

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 152/2026/DS-ST
Ngày: 22/5/2026.
V/v tranh chấp “Hợp đồng

góp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thành Trung.
- Ông Thái Thành Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Trần Khắc Huy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 374/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 124/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thùy A**, sinh ngày: 02/3/1991 (Có mặt).

CCCD: 082191015496.

Địa chỉ: **F N, khu phố A, phường M, tỉnh Đồng Tháp.**

- Bị đơn:

1. Chị **Huỳnh Yến N**, sinh năm: 2003 (vắng mặt).

CCCD: 082303006815.

Địa chỉ: **Khu phố B, phường M, tỉnh Đồng Tháp.**

2. Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 2000 (vắng mặt).

CCCD: 082200007467.

Địa chỉ: **Khu phố C, phường C, tỉnh Đồng Tháp.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị **Lê Thị Thùy A** trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Do quen biết, nên chị có tham gia 08 dây hui do vợ chồng anh **Nguyễn Văn H** và chị **Huỳnh Yến N** làm chủ thảo như sau:

Dây thứ nhất: Hui 1.000.000 đồng, tháng khai một lần, khai ngày 01/6/2023, hui 26 phần, chị tham gia ba phần, đã đóng hui được 22 lần tổng số tiền là 66.000.000 đồng. Đến ngày 28/5/2025, vợ chồng anh **H** và chị **N** không gom hui nữa.

Dây thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng, tháng khui một lần, khui ngày 05/11/2023, hụi 22 phần, chị tham gia 01 phần, đã đóng hụi được 20 lần tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Đến ngày 28/5/2025, vợ chồng anh **H** và chị **N** không gom hụi nữa.

Dây thứ ba: Hụi 1.000.000 đồng, tháng khui một lần, khui ngày 20/6/2024, hụi 23 phần, chị tham gia 01 phần, đã đóng hụi được 12 lần tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Đến ngày 28/5/2025, vợ chồng anh **H** và **N** không gom hụi nữa.

Dây thứ tư: Hụi 2.000.000 đồng, tháng khui một lần, khui ngày 17/4/2024, hụi 16 phần, chị tham gia 01 phần, đã đóng hụi được 14 lần tổng số tiền là 28.000.000 đồng. Đến ngày 28/5/2025, vợ chồng anh **H** và chị **N** không gom hụi nữa.

Dây thứ năm: Hụi 2.000.000 đồng, tháng khui một lần, khui ngày 07/5/2024, hụi 25 phần, chị tham gia 01 phần, đã đóng hụi được 14 lần tổng số tiền là 28.000.000 đồng. Đến ngày 28/5/2025, vợ chồng anh **H** và chị **N** không gom hụi nữa.

Dây thứ sáu: Hụi 5.000.000 đồng, tháng khui một lần, khui ngày 09/5/2024, hụi 22 phần, chị tham gia 01 phần, đã đóng hụi được 14 lần tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Đến ngày 28/5/2025, vợ chồng anh **H** và chị **N** không gom hụi nữa.

Dây thứ bảy: Hụi 3.000.000 đồng, tháng khui một lần, khui ngày 21/02/2024, hụi 22 phần, chị tham gia 01 phần, đã đóng hụi được 16 lần tổng số tiền là 48.000.000 đồng. Đến ngày 28/5/2025, vợ chồng anh **H** và chị **N** không gom hụi nữa.

Dây thứ tám: Hụi 2.000.000 đồng, tháng khui một lần, khui ngày 25/6/2024, hụi 25 phần, chị tham gia 01 phần, đã đóng hụi được 12 lần tổng số tiền là 24.000.000 đồng. Đến ngày 28/5/2025, vợ chồng anh **H** và chị **N** không gom hụi nữa.

Tổng số tiền anh **H**, chị **N** nợ chị 08 dây hụi là 316.000.000 đồng. Vợ chồng anh **H** và chị **N** có lập biên bản thỏa thuận trả cho chị số tiền 316.000.000 đồng, hình thức trả dần, hàng tháng trả 5.000.000 đồng đến khi hết nợ, nếu vi phạm việc trả dần trong bất kỳ tháng nào thì chị có quyền khởi kiện. Do anh **H** chị **N** vi phạm thỏa thuận chỉ trả đến tháng 06/2025 được 22.000.000 đồng thì ngưng luôn cho đến nay.

Do đó, nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc anh **Nguyễn Văn H** và chị **Huỳnh Yến N** phải cùng liên đới trả lại cho chị 294.000.000 đồng tiền nợ hụi.

Bị đơn anh **Nguyễn Văn H** và chị **Huỳnh Yến N** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự “Hợp đồng góp hui” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn H và chị Huỳnh Yến N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy A là có căn cứ. Bởi lẽ, theo văn bản thỏa thuận lập ngày tháng năm 2025 giữa chị Lê Thị Thùy A với anh Nguyễn Văn H, chị Huỳnh Yến N, do chị Lê Thị Thùy A xuất trình thể hiện: Từ năm 2023 đến năm 2024, chị Lê Thị Thùy A có tham gia 08 dây hui do vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Huỳnh Yến N có làm đầu thảo hui, khi tổng kết hui thì vợ chồng anh H, chị N thừa nhận có nợ chị A tổng số tiền hui là 316.000.000 đồng và có cam kết trả cho chị A số tiền nợ hui trên với hình thức trả dần, mỗi tháng trả cho chị A 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, trường hợp anh H, chị N vi phạm nghĩa vụ trả dần thì chị A có quyền khởi kiện để yêu cầu trả toàn bộ số tiền nợ hui còn thiếu. Bị đơn anh Nguyễn Văn H, chị Huỳnh Yến N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng anh H, chị N không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đã trả tiền nợ hui. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Theo chị A trình bày từ lúc lập văn bản thỏa thuận thì anh H, chị N chỉ trả được đến tháng 6/2025 với số tiền 22.000.000 đồng rồi ngưng. Do đó, việc chị A khởi kiện yêu cầu anh H và chị N phải cùng liên đới trả cho chị A là tiền nợ hui còn lại 294.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2025; khoản 2 Điều 357, Điều 471 **Bộ luật Dân sự năm 2015**; **Khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy A.

Buộc anh **Nguyễn Văn H** và chị **Huỳnh Yến N** phải có trách nhiệm cùng liên đới trả cho chị **A** số tiền nợ hui là 294.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Anh **Nguyễn Văn H** và chị **Huỳnh Yến N** phải cùng liên đới chịu 14.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị **Lê Thị Thùy A** 7.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010306 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp;
- **THADS** tỉ nh Đ ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng N1

